

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **173/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28 tháng 11 năm 2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng và ông Đặng Quang Hoạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 581/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2022/QĐST – HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé Ng, sinh năm 1992. HKTT và trú tại: Số nhà 159/G Lơ, ấp G, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Bá O – Công ty Luật TNHH một thành viên Đ Sài Gòn – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Đinh Sỹ H, sinh năm 1991. HKTT: Ấp B, xã G, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé Ng trình bày: Chị và anh Đinh Sỹ H tự nguyện chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/11/2016.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh H thường ghen

tuông một cách vô cơ dẫn đến xô xát, cãi vã, bạo lực gia đình do đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2020 đến nay, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau và tình cảm chị dành cho anh H không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con là: Đinh Sỹ Ph, sinh ngày 01/03/2016 và Đinh Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2017. Khi ly hôn, chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2017 và đề nghị giao cháu Đinh Sỹ Ph, sinh ngày 01/03/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị cam kết vợ chồng không có.

*** Bị đơn anh Đinh Sỹ H trình bày:** Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Ng trình bày là đúng.

Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Việc sống chung với gia đình anh đôi khi có xảy ra xích mích, va chạm và cãi vã đó là điều không thể tránh khỏi. Anh vẫn còn tình cảm thương yêu chị Ng nên anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh và chị Ng có 02 con là: Đinh Sỹ Ph, sinh ngày 01/03/2016 và Đinh Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị Ng ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con và anh không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Bé Ng - Luật sư Nguyễn Bá O trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đã sống ly thân khoảng 2 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, chị Ng không còn thương yêu anh H, do đó tình cảm không còn sâu nặng để tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị Ng được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Bảo Ng vì cháu còn nhỏ, hiện đang sống cùng chị Ng, về điều kiện nuôi con chị Ng cũng đã cung cấp tài liệu xác nhận mức thu nhập, thời gian làm việc. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thu nhập của mình để đủ điều kiện nuôi dưỡng cả 02 con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

+ *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án*: Đề nghị Tòa án chấp nhận 01 phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Ng. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ng được ly hôn với anh H. Về con chung: Nhận thấy cháu Ph và cháu Ng là hai anh em ruột, cần để các cháu sống gần nhau để nuôi dạy ý thức đùm bọc, gắn kết tình cảm anh em. Về điều kiện nuôi con, xét thấy thu nhập của chị Ng chưa thực sự ổn định, anh H có thu nhập ổn định hơn nên đề nghị giao 02 cháu: Đình Sỹ Ph, sinh ngày 01/03/2016 và Đình Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2017 cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do anh H không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Bé Ng khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là anh Nguyễn Sỹ H, cư trú tại: khu phố 5, thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bé Ng và anh Đình Sỹ H là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ng thì thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải, kêu gọi đoàn tụ nhưng không thành do chị Ng không đồng ý đoàn tụ vì chị không còn tình cảm thương yêu anh H, anh H không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn. Tuy nhiên trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, anh H mong muốn đoàn tụ nhưng bế tắc và không thuyết phục được chị Ng trở về đoàn tụ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn và cần chấp thuận cho chị Ng được ly hôn với anh H.

2.3. Về con chung: Cả chị Ng và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2017. Việc mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con của chị Ng và anh H thì thấy, hiện tại anh H có công việc và thu nhập ổn định từ các phòng khám bệnh, ngoài ra còn có sự phụ giúp từ gia đình anh H trong việc chăm sóc, đưa đón các con. Chị Ng và cháu Ng hiện đang sống cùng bà nội (76 tuổi) và gia đình chú ruột tại Bến Tre, tuy chị Ng có việc làm và thu nhập nhưng xét về điều kiện và môi trường sống thì cần để các cháu sống gần nhau, nuôi dạy ý thức đùm bọc, gắn kết tình cảm anh em. Do vậy, xét quyền lợi về mọi mặt của các con thì tại thời điểm hiện nay việc giao 02 cháu Đinh Sỹ Ph và Đinh Thị Bảo Ng cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh H không yêu cầu chị Ng đóng góp tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hiện tại cháu Ng đang sống với chị Ng. Vì vậy buộc chị Ng phải giao cháu Ng cho anh H nuôi dưỡng.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé Ng phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

4] Xét đề nghị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thì thấy phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Ng.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Bé Ng được ly hôn với anh Đinh Sỹ H.

- **Về con chung:** Giao cho anh Đinh Sỹ H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và 02 cháu: Đinh Sỹ Ph, sinh ngày 01/03/2016 và Đinh Thị Bảo Ng, sinh ngày 08/10/2017. Tạm thời anh H không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

Buộc chị Ng phải giao cháu Ng cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị Ng. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé Ng phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0001223 ngày 07 tháng 06 năm 2022. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã G, h, Trảng Bom, Đồng Nai (GCNKH số 11 ngày 06/3/2013);
- Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Quyên